

Số: **199/2021/QĐST-HNGĐ**

TH, ngày 05 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm H, xã T, thành phố TH, tỉnh TH

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965

Nơi ĐKKHTT: Xóm H, xã T, thành phố TH, tỉnh TH

Chỗ ở hiện nay: Xóm S, xã T, thành phố TH, tỉnh TH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1998, Nguyễn Thị H sinh năm 2000 và Nguyễn Thị T2 sinh ngày 18/9/2005. Cháu Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị H đã trưởng thành.

Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị T2 sinh ngày 18/9/2005 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về công nợ chung, tài sản cho vay: Chị D và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị D tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000415 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH. Hoàn trả cho chị D số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- THA dân sự thành phố TH;
- Các đương sự;
- UBND xã P, thị xã P;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc